

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này một (01) thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/8/2024.

Tổng cục Thuế thực hiện việc nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê Tài chính và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Lãnh đạo Bộ;
- Văn phòng Bộ (P.CCHC);
- Website BTC;
- Website Tổng cục Thuế;
- Cục Thuế các tỉnh TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TCT(VT, P.CCHC (3)).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN
LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 2156../QĐ-BTC
ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài chính)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

| STT | Số hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung | Lĩnh vực | Cơ quan thực hiện |
|---|---------------|---|--|----------|-------------------|
| A. Thủ tục hành chính cấp Tổng cục Thuế | | | | | |
| 1 | 1.008008 | Đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử/Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch điện tử | Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế | Thuế | Tổng cục Thuế |

Ghi chú:

Thủ tục hành chính nêu trên sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 Mục 2, Phần I kèm theo Quyết định số 407/QĐ-BTC ngày 25/3/2021 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

A. Thủ tục hành chính cấp Tổng cục Thuế.

1. Đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử/Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch điện tử.

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Người nộp thuế (NNT) thực hiện truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/Cổng của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thực hiện đăng ký giao dịch/Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin, ký điện tử và gửi đến Tổng cục Thuế.

Riêng đối với NNT là cá nhân đã có mã số thuế chưa được cấp chứng thư số và sử dụng mã xác thực giao dịch điện tử sau khi thực hiện đăng ký giao dịch điện tử phải đến cơ quan thuế bất kỳ xuất trình chứng minh thư nhân dân; hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân để nhận và kích hoạt tài khoản giao dịch thuế điện tử.

NNT là cá nhân đã đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử Mức độ 2; đồng thời hệ thống định danh, xác thực điện tử và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đã được kết nối, vận hành thì NNT được sử dụng tài khoản định danh điện tử thay thế cho việc xuất trình chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước để thực hiện thủ tục đăng ký, kích hoạt tài khoản giao dịch điện tử.

Sau khi hoàn thành việc thực hiện đăng ký giao dịch điện tử với cơ quan thuế theo quy định qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, NNT phải thực hiện đăng ký với ngân hàng nơi mở tài khoản theo quy định của ngân hàng (đối với trường hợp đăng ký để thực hiện nộp thuế điện tử).

+ Bước 2. Tổng cục Thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

- Cách thức thực hiện:

Bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ, gồm:

a) Trường hợp (1): Đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử: Tờ khai đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử

theo mẫu số 01/ĐK-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Trường hợp (2): Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch điện tử: Tờ khai đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử theo mẫu số 02/ĐK-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp (1): Chậm nhất 15 phút sau khi nhận được hồ sơ đăng ký giao dịch bằng phương thức điện tử của người nộp thuế.

Đối với trường hợp đăng ký để thực hiện nộp thuế điện tử: Ngân hàng nơi người nộp thuế mở tài khoản gửi thông báo về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký nộp thuế điện tử cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong thời hạn chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản đăng ký của người nộp thuế.

b) Trường hợp (2): Chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch điện tử của người nộp thuế.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người nộp thuế (NNT) theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đã được cấp chứng thư số hoặc mã xác thực giao dịch điện tử do hệ thống của cơ quan thuế hoặc hệ thống của các cơ quan có liên quan đến giao dịch điện tử cấp.

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Tổng cục Thuế.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo tài khoản giao dịch thuế điện tử theo mẫu số 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lệ phí: Không

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Trường hợp (1): Tờ khai đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử theo mẫu số 01/ĐK-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Trường hợp (2): Tờ khai đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử theo mẫu số 02/ĐK-TĐT ban hành kèm theo Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế (theo quy định tại

khoản 1 Điều 4, khoản 1 và khoản 2 Điều 7, điểm c khoản 1 và khoản 5 Điều 10 Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;
- + Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;
- + Luật Công nghệ thông tin ngày 29/06/2006;
- + Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;
- + Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;
- + Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;
- + Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- + Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;
- + Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;
- + *Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

- Mẫu biểu kèm theo:

Mau 01 ĐK-TĐT Mau 02 ĐK-TĐT Mau 03 TB-TĐT ve
dang ky giao dich voi dang ky thay doi bo stai khoan giao dich th

* Ghi chú: Phần in nghiêng là phần bổ sung.

Mẫu số: **01/ĐK-TĐT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử

Tổ chức *Cá nhân*

Kính gửi: <Tổng cục Thuế>.....

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế:

3. Địa chỉ:

4. Thông tin về đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế:

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ quy định tại Thông tư số 19/2021/TT- BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

Đăng ký sử dụng giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế cụ thể như sau:

<Trường hợp người nộp thuế sử dụng chứng thư số thì ghi:>

1. Thông tin đăng ký chứng thư số sử dụng giao dịch thuế điện tử:

| STT | Tên tổ chức/cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số | Số sê-ri chứng thư số | Thời hạn sử dụng chứng thư số | | Thủ tục hành chính thuế điện tử đăng ký sử dụng |
|-----|--|-----------------------|-------------------------------|----------|---|
| | | | Từ ngày | đến ngày | |
| | | | | | <Đăng ký thuế> |
| | | | | | <Khai thuế> |
| | | | | | <Nộp thuế> |
| | | | | | <Hoàn thuế> |
| | | | | | <Miễn, giảm thuế> |
| | | | | | ... |

2. Thông tin đăng ký tài khoản ngân hàng thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử:

| STT | Số tài khoản | Tên tài khoản | Ngân hàng | Số sê-ri chứng thư số | Tên tổ chức/cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số |
|-----|--------------|---------------|-----------|-----------------------|--|
| | | | | | |

| | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | |
| | | | | | |

3. Thông tin đăng ký địa chỉ thư điện tử:

3.1. Địa chỉ thư điện tử nhận tất cả các quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:

.....

3.2. Địa chỉ thư điện tử khác nhận quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế theo từng thủ tục hành chính thuế:

| STT | Địa chỉ thư điện tử | Họ tên người sử dụng | Thủ tục hành chính thuế điện tử đăng ký sử dụng |
|-----|---------------------|----------------------|---|
| | | | <Đăng ký thuế> |
| | | | <Khai thuế> |
| | | | <Nộp thuế> |
| | | | <Hoàn thuế> |
| | | | <Miễn, giảm thuế> |
| | | | ... |

4. Thông tin đăng ký số điện thoại:

<Trường hợp người nộp thuế sử dụng mã xác thực OTP/xác thực bằng sinh trắc học thì ghi:>

1. Thông tin đăng ký địa chỉ thư điện tử:

1.1. Địa chỉ thư điện tử nhận tất cả các quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:

1.2. Địa chỉ thư điện tử khác nhận quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế theo từng thủ tục hành chính thuế:

| STT | Địa chỉ thư điện tử | Họ tên người sử dụng | Thủ tục hành chính thuế điện tử đăng ký sử dụng |
|-----|---------------------|----------------------|---|
| | | | <Đăng ký thuế> |
| | | | <Khai thuế> |
| | | | <Nộp thuế> |
| | | | <Hoàn thuế> |
| | | | <Miễn, giảm thuế> |
| | | | ... |

2. Thông tin đăng ký số điện thoại di động:

Người nộp thuế chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, đầy đủ, chính xác của các thông tin đăng ký nêu trên và cam kết tiếp nhận và phản hồi các thông tin liên quan đến giao dịch điện tử với cơ quan thuế; chấp hành quyết định, thông báo, yêu cầu của cơ quan thuế đã gửi

đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký nêu trên và tài khoản giao dịch điện tử của người nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và quản lý, sử dụng tài khoản giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đã được cơ quan thuế cấp theo quy định của pháp luật và các hướng dẫn của cơ quan thuế./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
 ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

<Chữ ký số của đại lý thuế>

<Người nộp thuế ký điện tử>

Ghi chú: *Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử

Thay đổi

Bổ sung

Kính gửi: <Tổng cục Thuế>.....

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế:

3. Địa chỉ:

4. Thông tin về đại lý thuế (nếu có):

4a. Tên:

4b. Mã số thuế:

4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ quy định tại Thông tư số 19/2021/TT- BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

Đăng ký thay đổi, bổ sung các thông tin, cụ thể như sau:

<Trình hợp người nộp thuế sử dụng chứng thư số thì ghi:>

1. Thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung chứng thư số sử dụng giao dịch thuế điện tử:

| STT | Tên tổ chức/cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số | Số sê-ri chứng thư số | Thời hạn sử dụng chứng thư số | | Thông tin thay đổi, bổ sung | Thủ tục hành chính thuế điện tử đăng ký sử dụng |
|-----|--|-----------------------|-------------------------------|----------|-----------------------------|---|
| | | | Từ ngày | đến ngày | | |
| | | | | | <Ngừng sử dụng> | <Đăng ký thuế> |
| | | | | | <Bổ sung> | <Khai thuế> |
| | | | | | | <Nộp thuế> |
| | | | | | | <Hoàn thuế> |
| | | | | | | <Miễn, giảm thuế> |
| | | | | | ... | |

2. Thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung tài khoản ngân hàng thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử:

| STT | Số tài khoản | Tên tài khoản | Ngân hàng | Số sê-ri chứng thư số | Thông tin thay đổi, bổ sung | Tên tổ chức/cơ quan chứng thực/cấp/công nhận chữ ký số |
|-----|--------------|---------------|-----------|-----------------------|-----------------------------|--|
| | | | | | <Ngừng sử dụng> | |
| | | | | | <Bổ sung> | |
| | | | | | | |

3. Thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung địa chỉ thư điện tử:

3.1. Địa chỉ thư điện tử nhận tất cả các quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:

3.2. Địa chỉ thư điện tử khác nhận quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế theo từng thủ tục hành chính thuế:

| STT | Địa chỉ thư điện tử | Họ tên người sử dụng | Thông tin thay đổi, bổ sung | Thủ tục hành chính thuế điện tử đăng ký sử dụng |
|-----|---------------------|----------------------|-----------------------------|---|
| | | | <Ngừng sử dụng> | <Đăng ký thuế> |
| | | | <Bổ sung> | <Khai thuế> |
| | | | | <Nộp thuế> |
| | | | | <Hoàn thuế> |
| | | | | <Miễn, giảm thuế> |
| | | | ... | |

4. Thông tin số điện thoại đăng ký thay đổi.....

<Trường hợp người nộp thuế sử dụng mã xác thực OTP/xác thực bằng sinh trắc học thì ghi:>

1. Thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung địa chỉ thư điện tử:

1.1. Địa chỉ thư điện tử nhận tất cả các quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế:

1.2. Địa chỉ thư điện tử khác nhận quyết định, thông báo, văn bản khác của cơ quan thuế theo từng thủ tục hành chính thuế:

| STT | Địa chỉ thư điện tử | Họ tên người sử dụng | Thông tin thay đổi, bổ sung | Thủ tục hành chính thuế điện tử đăng ký sử dụng |
|-----|---------------------|----------------------|-----------------------------|---|
| | | | <Ngày sử dụng> | <Đăng ký thuế> |
| | | | <Bổ sung> | <Khai thuế> |
| | | | | <Nộp thuế> |
| | | | | <Hoàn thuế> |
| | | | | <Miễn, giảm thuế> |
| | | | | |

2. Thông tin số điện thoại di động đăng ký thay đổi:

Người nộp thuế chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, đầy đủ, chính xác của các thông tin đăng ký nêu trên và cam kết tiếp nhận và phản hồi các thông tin liên quan đến giao dịch điện tử với cơ quan thuế; chấp hành quyết định, thông báo, yêu cầu của cơ quan thuế đã gửi đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký nêu trên và tài khoản giao dịch điện tử của người nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và quản lý, sử dụng tài khoản giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đã được cơ quan thuế cấp theo quy định của pháp luật và các hướng dẫn của cơ quan thuế./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

<Chữ ký số của đại lý thuế>

<Người nộp thuế ký điện tử>

Ghi chú: Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ

Mẫu số: **03/TB-TĐT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số:/TB-TĐT

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc tài khoản giao dịch thuế điện tử

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019;

Căn cứ quy định tại Thông tư số 19/2021/TT- BTC ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

<1. Trường hợp đăng ký giao dịch điện tử với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thì ghi:>

Căn cứ hồ sơ <đăng ký giao dịch thuế điện tử/đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử> <qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN> của người nộp thuế.

Tên người nộp thuế:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Mã giao dịch điện tử:

Xét điều kiện thực hiện và cam kết của người nộp thuế.

<1.1. Trường hợp chấp nhận đề nghị của người nộp thuế thì ghi:>

Cơ quan thuế chấp nhận đề nghị về việc <đăng ký giao dịch thuế điện tử/đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử> <qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN> của người nộp thuế kể từ ...giờphút.... giây ngày ... tháng... năm....., cụ thể như sau:

<1.1.1. Trường hợp đăng ký giao dịch với cơ quan thuế lần đầu>

< Trường hợp người nộp thuế đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử lần đầu qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì ghi: “thông tin về tài khoản; đường link để người nộp thuế đăng nhập vào hệ thống”>.

< Trường hợp người nộp thuế đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử lần đầu qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thì ghi: “thông tin về tài khoản, mật khẩu để thực hiện tra cứu trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; đường link để người nộp thuế đăng nhập vào hệ thống”>.

Lưu ý:

- Người nộp thuế có trách nhiệm thông báo ngay cho cơ quan thuế khi phát hiện hoặc nghi ngờ có hiện tượng truy cập và sử dụng trái phép dịch vụ thuế điện tử hoặc nghi ngờ thông tin đăng nhập không còn bảo mật hoặc bị mất thiết bị xác thực.

- Người nộp thuế cần thận trọng, hạn chế dùng máy tính công cộng, mạng không dây công cộng để truy cập vào hệ thống thuế điện tử.

- Thoát khỏi hệ thống thuế điện tử khi không sử dụng.

- Không đặt tùy chọn của trình duyệt Web cho phép lưu lại tên và mật khẩu người dùng.

<1.1.2. Trường hợp người nộp thuế đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin/dăng ký ngừng giao dịch thuế điện tử thì ghi các thông tin đã chấp nhận>.

<1.2. Trường hợp không chấp nhận đề nghị của người nộp thuế thì ghi:>

Cơ quan thuế không chấp nhận đề nghị về việc <dăng ký giao dịch thuế điện tử/dăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch thuế điện tử/dăng ký ngừng giao dịch thuế điện tử> của người nộp thuế.

Lý do: <Lý do không chấp nhận>

<2. Trường hợp cơ quan thuế gửi thông báo về việc ngừng giao dịch điện tử của người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN:>

Cơ quan thuế thông báo về việc Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế ngừng việc thực hiện các thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử của người nộp thuế kể từ ...giờphút.... giây ngày ... tháng... năm...

Lý do: <Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký/doanh nghiệp bị giải thể/chấm dứt tồn tại theo Thông báo của cơ quan đăng ký kinh doanh/tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân khác đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế>

Người nộp thuế cần biết thêm chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn: <http://www.xxx.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với <tên cơ quan thuế> để được hỗ trợ trực tiếp.

Tổng cục Thuế thông báo đề người nộp thuế và cơ quan thuế được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

-<Người nộp thuế>;

- Lưu: Cổng thông tin điện tử của TCT.

TỔNG CỤC THUẾ

<Chữ ký số của Tổng cục Thuế>

Ghi chú: Chữ in nghiêng trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ. Chọn trường hợp 1 hoặc 2 theo kết quả xử lý.